

Số: **44** /2020/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày **10** tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; hội, quỹ cấp tỉnh và người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức, Luật viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính; Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ quy định danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 150/2013/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 158/2007/NĐ-CP của Chính phủ;

SỞ TƯ PHÁP TỈNH HẢI DƯƠNG

ĐẾN Số: 2776

Ngày: 14/9/2020

Chuyên:

Lưu hồ sơ số:

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 93/2010/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010; Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn; Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ Quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 97/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Nghị định số 106/2015/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về

quản lý người đại diện phần vốn Nhà nước giữ các chức danh quản lý tại doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; hội, quỹ cấp tỉnh và người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2020 và thay thế Quyết định số 2115/2006/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý công tác tổ chức cán bộ, công chức, viên chức thuộc tỉnh; Quyết định số 3107/2007/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi bổ sung một số điều trong Quy định về quản lý công tác tổ chức cán bộ, công chức, viên chức thuộc tỉnh; Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về thẩm quyền tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *slm*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm CNTT – VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Dương Thái

QUY ĐỊNH

Về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; hội, quỹ cấp tỉnh và người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý

*(Ban hành kèm theo Quyết định số **44** /2020/QĐ-UBND ngày **10** tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý tổ chức bộ máy; biên chế; cán bộ, công chức, viên chức; lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; hội, quỹ cấp tỉnh và người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
2. Các cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi chung là sở).
3. Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.
4. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện).
5. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).
6. Các phòng chuyên môn và tổ chức tương đương thuộc sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện.
7. Các chi cục, ban và tổ chức tương đương chi cục thuộc sở (sau đây gọi chung là chi cục).
8. Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các hội cấp tỉnh và chi cục.
9. Các khoa, phòng và tương đương của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện, chi cục.

10. Các Hội có tính chất đặc thù (sau đây gọi chung là hội).
11. Các Quỹ xã hội, Quỹ từ thiện được thành lập theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi chung là quỹ).
12. Các doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, bao gồm: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Ủy ban nhân dân tỉnh nắm giữ 100% vốn điều lệ; công ty cổ phần mà Ủy ban nhân dân tỉnh nắm giữ trên 50% vốn điều lệ. (sau đây gọi chung là doanh nghiệp).
13. Cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.
14. Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ (gọi tắt là lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP).
15. Cán bộ, công chức cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố (khu dân cư).
16. Cán bộ, công chức, viên chức được luân chuyển, điều động, phân công nhiệm vụ sang làm việc hoặc trong số lượng người làm việc ở các tổ chức Hội.
17. Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, thành viên Hội đồng thành viên tổng công ty hoặc công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc) công ty, Kiểm soát viên tổng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Ủy ban nhân dân tỉnh nắm giữ 100% vốn điều lệ; Người đại diện giữ các chức danh: Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị tổng công ty hoặc công ty, Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc tổng công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc công ty cổ phần mà Ủy ban nhân dân tỉnh nắm giữ trên 50% vốn điều lệ; cán bộ, công chức, viên chức được Ủy ban nhân dân tỉnh cử làm đại diện phần vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh góp vốn Nhà nước không quá 50% vốn điều lệ (gọi chung là người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp).

Điều 3. Nguyên tắc quản lý

1. Đảm bảo sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý của Nhà nước; thực hiện nguyên tắc tập trung, dân chủ; đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính; phát huy trách nhiệm của tổ chức gắn với quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người đứng đầu; thực hiện đúng nguyên tắc, chế độ, chính sách và quy trình, thủ tục theo quy định của pháp luật và Quy định này.
2. Công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức phải khách quan, khoa học, hợp lý, đúng quy định; thực hiện luân chuyển, định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và quy định của tỉnh.
3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thực hiện những nội dung công việc về công tác tổ chức, bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi

quản lý, đảm bảo thực hiện đúng chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định của tỉnh.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quản lý tổ chức bộ máy

a) Xây dựng Đề án thành lập sở theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và Bộ Nội vụ trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thành lập, bãi bỏ, tổ chức lại, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và tổ chức thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh;

b) Xây dựng Đề án, đề nghị thành lập, sáp nhập, tổ chức lại, giải thể các tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật (đối với trường hợp pháp luật không quy định Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập); thành lập, sáp nhập, hợp nhất, tổ chức lại, giải thể các tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật;

c) Xây dựng Đề án thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ quyết định hoặc theo quy định của pháp luật;

d) Quyết định thành lập, sáp nhập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở và Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của pháp luật (trừ các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở); quyết định thành lập, sáp nhập, tổ chức lại, giải thể, quy định cơ cấu tổ chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc chi cục theo quy định của pháp luật;

đ) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực;

e) Quyết định thành lập, sáp nhập, tổ chức lại, giải thể: Phòng và tổ chức tương đương, chi cục thuộc sở; Phòng và tổ chức tương đương thuộc chi cục; Phòng và tổ chức tương đương, chi cục thuộc tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Hướng dẫn cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của pháp luật;

h) Chỉ đạo, xây dựng đề án thành lập, chia tách, sáp nhập, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh; hoàn chỉnh hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định;

i) Trình Bộ trưởng Bộ Nội vụ xem xét, quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp huyện; thẩm định hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh;

k) Trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về thành lập, giải thể, sáp nhập, chia tách, đổi tên, đặt tên thôn, tổ dân phố (khu dân cư).

2. Quản lý biên chế, số lượng người làm việc và lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP

a) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị xây dựng đề án vị trí việc làm (hoặc đề án điều chỉnh vị trí việc làm), cơ cấu công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; Quyết định danh mục, số lượng vị trí việc làm đối với cơ quan hành chính của tỉnh; phê duyệt đề án vị trí việc làm đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh;

b) Trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định biên chế công chức, số lượng người làm việc, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các hội, quỹ có sử dụng biên chế Nhà nước;

c) Quyết định giao biên chế công chức, số lượng người làm việc, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP cho sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các hội, quỹ có sử dụng biên chế Nhà nước theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh;

d) Quyết định giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã; trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định số lượng, chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố (khu dân cư) theo quy định.

3. Tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP; người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp

a) Chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy việc lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quyết định của Trung ương, của Tỉnh ủy về cán bộ và công tác cán bộ trong phạm vi phụ trách;

b) Thảo luận và đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy về bố trí, phân công công tác; điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, miễn nhiệm, đình chỉ chức vụ; khen thưởng, kỷ luật; nghỉ hưu và thực hiện chính sách đối với Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh, các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý công tác ở các sở; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Giám đốc, Phó Giám đốc bệnh viện đa khoa, chuyên khoa cấp tỉnh; cấp trưởng, cấp phó các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu trên cơ sở đề nghị của Hội đồng thành viên tổng công ty, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh đối với: Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ

tịch công ty; thành viên Hội đồng thành viên tổng công ty hoặc công ty; Quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Kiểm soát viên tổng công ty, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Ủy ban nhân dân tỉnh nắm giữ 100% vốn điều lệ đối với các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và các chức danh cán bộ thuộc diện Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý;

d) Thống nhất ý kiến (bằng văn bản) để Hội đồng thành viên tập đoàn, tổng công ty quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Tổng giám đốc trên cơ sở đề nghị của Hội đồng thành viên; Thống nhất ý kiến (bằng văn bản) để Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Tổng giám đốc hoặc Giám đốc công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Ủy ban nhân dân tỉnh nắm giữ 100% vốn điều lệ đối với các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và các chức danh cán bộ thuộc diện Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý;

đ) Quyết định cử, cử lại người đại diện để bầu hoặc đề nghị miễn nhiệm người đại diện giữ các chức danh: Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị tổng công ty; Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch công ty. Quyết định cử, cử lại người đại diện để bổ nhiệm hoặc đề nghị miễn nhiệm các chức danh: Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc tổng công ty; Giám đốc, Phó Giám đốc công ty. Quyết định khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với người đại diện giữ các chức danh: Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc tổng công ty; Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch, Giám đốc, Phó Giám đốc công ty cổ phần mà Ủy ban nhân dân tỉnh nắm giữ trên 50% vốn điều lệ đối với các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và các chức danh cán bộ thuộc diện Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý;

e) Quyết định cử người tham gia quản lý vốn Nhà nước ở doanh nghiệp là Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, Công ty cổ phần mà Ủy ban nhân dân tỉnh nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ;

g) Kịp thời chỉ đạo phát hiện, khắc phục, thu hồi hoặc hủy bỏ quyết định sai trái về công tác cán bộ của Giám đốc sở, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

h) Quyết định việc tổ chức tuyển dụng công chức của tỉnh, gồm: Ban hành kế hoạch, thành lập hội đồng, thành lập Ban giám sát và chỉ đạo, tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật, quyết định công nhận kết quả tuyển dụng;

i) Quyết định ban hành Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã; Quy định hoặc phân cấp quy định ngành nghề đào tạo phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của từng chức danh công chức xã trong từng kỳ tuyển dụng;

k) Hàng năm xây dựng đề án tổ chức thi nâng ngạch công chức từ ngạch chuyên viên hoặc tương đương lên ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương gửi Bộ Nội vụ xin ý kiến về nội dung đề án và chỉ tiêu nâng ngạch; chủ trì tổ chức thi nâng ngạch theo quy định;

l) Hàng năm xây dựng đề án tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tương đương chuyên viên chính gửi Bộ Nội vụ để thống nhất nội dung đề án. Tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tương đương chuyên viên chính theo hướng dẫn của bộ quản lý về chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành;

m) Quyết định việc tổ chức thi nâng ngạch công chức từ ngạch cán sự lên ngạch chuyên viên; thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức đối với chức danh tương đương cán sự, chuyên viên;

n) Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm và giai đoạn;

o) Ban hành văn bản quy định điều kiện, tiêu chuẩn cụ thể đối với chức danh Trưởng, Phó các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc sở và đối với chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

p) Quy định về quản lý số lượng, tiêu chuẩn, tuyển dụng, sử dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quản lý tổ chức bộ máy

a) Quyết định xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở và Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực;

b) Quyết định thành lập các phòng, ban chuyên môn thuộc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các phòng, ban chuyên môn thuộc chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc sở;

c) Quyết định cho phép thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể, đổi tên các hội cấp tỉnh, cấp huyện, phê duyệt điều lệ hội; cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ cấp tỉnh cấp huyện; cho phép sáp nhập, chia tách, giải thể, đổi tên; tạm đình chỉ hoạt động; cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ; công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động; công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; cho phép thay đổi hoặc cấp lại giấy phép thành lập; thu hồi giấy phép thành lập quỹ cấp tỉnh, cấp huyện;

d) Quyết định việc phân loại đơn vị hành chính cấp xã; chuyển thôn thành khu dân cư trong trường hợp thành lập phường, thị trấn;

đ) Quyết định thành lập, kiện toàn, sáp nhập, giải thể các tổ chức phối hợp liên ngành cấp tỉnh;

e) Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Quản lý biên chế, số lượng người làm việc và lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP

a) Quyết định điều chuyển biên chế, số lượng người làm việc giữa các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh sau khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh;

b) Chỉ đạo, thực hiện chế độ thống kê, báo cáo, thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm về quản lý vị trí việc làm, biên chế, số lượng người làm việc, cơ cấu công chức, cơ cấu viên chức theo quy định.

3. Tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP; người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp.

a) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, cho thôi giữ chức vụ, đình chỉ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu, tiền lương, phụ cấp lương, đào tạo, bồi dưỡng và chính sách khác theo quy định của pháp luật đối với các chức danh cán bộ khối Nhà nước diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (Phụ lục I);

b) Quyết định về mặt Nhà nước về công tác cán bộ quy định tại Điểm c, Điểm d, Điểm đ Khoản 3 Điều 4 Quy định này;

c) Phê chuẩn kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; điều động, đình chỉ công tác, cách chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; giao quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trong trường hợp khuyết Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân cấp huyện; yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đình chỉ, cách chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp dưới khi không hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc vi phạm pháp luật;

d) Quyết định việc thực hiện chế độ tiền lương, phụ cấp lương và các chính sách khác theo quy định của pháp luật đối với cán bộ, công chức, viên chức hưởng lương ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương đang công tác tại các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, hội, quỹ cấp tỉnh;

đ) Quyết định thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch tiếp nhận không qua thi tuyển đối với công chức và chỉ đạo tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật; Có ý kiến bằng văn bản chấp thuận tiếp nhận trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức cấp xã và tiếp nhận công chức cấp xã từ tỉnh khác đến;

e) Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức dự thi nâng ngạch (thăng hạng chức danh nghề nghiệp) lên chuyên viên cao cấp hoặc tương đương;

g) Quyết định bổ nhiệm ngạch công chức từ ngạch chuyên viên và tương đương lên chuyên viên chính và tương đương; quyết định bổ nhiệm hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tương đương ngạch chuyên viên chính sau khi có kết quả thăng hạng chức danh nghề nghiệp; phê duyệt danh sách công chức trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch từ ngạch cán sự lên ngạch chuyên viên; phê duyệt danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tương đương cán sự, chuyên viên;

h) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm thanh tra viên, thanh tra viên chính;

i) Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình chuyên viên cao cấp; bồi dưỡng lãnh đạo cấp sở, cấp huyện; cán bộ, công chức, viên chức đi học tập, công tác ở nước ngoài theo quy định của tỉnh;

k) Quyết định cho cán bộ, công chức, viên chức được hưởng các chế độ đãi ngộ theo quy định; tổ chức thực hiện chế độ tiền lương, phụ cấp lương và các chính sách khác đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý; thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng, kỷ luật theo quy định;

l) Chỉ đạo, thực hiện chế độ báo cáo thống kê cán bộ, công chức, viên chức theo quy định;

m) Thanh tra, kiểm tra việc thi hành các quy định của pháp luật đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ

1. Quản lý tổ chức bộ máy

a) Tham mưu, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung về quản lý tổ chức bộ máy tại khoản 1 Điều 4 và khoản 1 Điều 5 Quy định này (trừ những nội dung trình thuộc trách nhiệm của sở theo quy định của pháp luật);

b) Thống nhất bằng văn bản đề các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các khoa, phòng và tương đương của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên;

c) Phối hợp với các sở có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của pháp luật.

2. Quản lý biên chế, số lượng người làm việc và lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP

a) Tham mưu, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung về quản lý biên chế, số lượng người làm việc và lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại khoản 2 Điều 4 và khoản 2 Điều 5 Quy định này (trừ những nội dung trình thuộc trách nhiệm của sở theo quy định của pháp luật);

b) Hướng dẫn, thẩm định việc xây dựng đề án vị trí việc làm (hoặc đề án điều chỉnh vị trí việc làm), số lượng người làm việc, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các cơ quan, đơn vị; tổng hợp xây dựng đề án vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định;

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc bố trí, sử dụng cán bộ, công chức cấp xã sau khi có quyết định giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã của Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc sử dụng biên chế, số lượng người làm việc, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

3. Tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và cán bộ, công chức cấp xã

a) Tham mưu, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại khoản 3 Điều 4 và khoản 3 Điều 5 Quy định này (trừ những nội dung trình thuộc trách nhiệm của sở theo quy định của pháp luật);

b) Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy thực hiện quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm đối với các chức danh lãnh đạo thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý;

c) Chủ trì, phối hợp với các hội cấp tỉnh, doanh nghiệp Nhà nước có liên quan thực hiện các quy trình về quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển đối với các chức danh lãnh đạo thuộc diện Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý (Phụ lục II);

d) Quyết định tuyển dụng công chức vào làm việc tại các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện sau khi có quyết định phê duyệt kết quả trúng tuyển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; quyết định công nhận hết thời gian tập sự, bổ nhiệm vào ngạch, xếp lương công chức đạt yêu cầu sau thời gian tập sự; quyết định hủy bỏ quyết định tuyển dụng công chức đối với công chức không đạt yêu cầu sau thời gian tập sự;

đ) Quyết định tiếp nhận, điều động, biệt phái cán bộ, công chức về sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện; từ sở này sang sở khác; từ sở về Ủy ban nhân dân cấp huyện và ngược lại; từ Ủy ban nhân dân cấp huyện này sang Ủy ban nhân dân cấp huyện khác; quyết định tiếp nhận công chức từ ngoài tỉnh vào làm việc tại

các cơ quan hành chính Nhà nước thuộc tỉnh và quyết định cho chuyển chuyên công chức thuộc tỉnh quản lý đến các cơ quan, đơn vị khác ngoài tỉnh;

e) Quyết định tiếp nhận viên chức từ ngoài tỉnh vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các Hội có sử dụng biên chế Nhà nước; cho chuyển chuyên viên chức thuộc tỉnh quản lý đến các cơ quan, đơn vị khác ngoài tỉnh;

g) Quyết định luân chuyển, định kỳ chuyển đổi vị trí công tác cán bộ, công chức, viên chức giữa các sở, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các Hội có sử dụng biên chế Nhà nước theo kế hoạch luân chuyển, định kỳ chuyển đổi vị trí công tác và theo yêu cầu nhiệm vụ của tỉnh;

h) Giám đốc hoặc Phó Giám đốc sở là Phó Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng công chức của tỉnh; Phó Chủ tịch Hội đồng kiểm tra, sát hạch để tiếp nhận không qua thi tuyển đối với công chức; Hội đồng xét duyệt cử cán bộ, công chức, viên chức dự thi nâng ngạch (thăng hạng chức danh nghề nghiệp) lên chuyên viên cao cấp hoặc tương đương; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật;

i) Quyết định tiếp nhận không qua thi tuyển đối với công chức sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh;

k) Thẩm định, phê duyệt kế hoạch, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện tuyển dụng viên chức của sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội cấp tỉnh có sử dụng biên chế Nhà nước;

l) Tổng hợp cơ cấu ngạch công chức, hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, nhu cầu nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nội vụ theo quy định;

m) Quyết định bổ nhiệm ngạch công chức từ ngạch nhân viên lên cán sự; từ ngạch nhân viên, cán sự lên chuyên viên; chuyển ngạch công chức (hạng chức danh nghề nghiệp viên chức) đến ngạch chuyên viên chính và tương đương;

n) Thông báo danh sách và xếp lương viên chức trúng tuyển thi (xét) thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tương đương chuyên viên trở xuống của các sở, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các Hội có sử dụng biên chế Nhà nước;

o) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức; hướng dẫn xây dựng, thẩm định, tổng hợp kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ, công chức cấp xã;

p) Thẩm định, phê duyệt danh sách cử cán bộ, công chức, viên chức đi bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình chuyên viên, chuyên viên chính, bồi dưỡng lãnh đạo cấp phòng;

q) Thẩm định kế hoạch, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra quy trình tuyển dụng công chức cấp xã; thẩm định việc xếp bậc lương lần đầu đối với cán bộ giữ chức danh bầu cử ở cấp xã và xếp lương đối với công chức cấp xã khi thay đổi trình độ đào tạo theo quy định; thẩm định về việc tiếp nhận công chức cấp xã từ tỉnh khác đến; thẩm định tiếp nhận không qua thi tuyển đối với các trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức cấp xã;

r) Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo; thanh tra, kiểm tra về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật và quy định của tỉnh.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của sở

1. Quản lý tổ chức bộ máy

a) Chủ trì xây dựng dự thảo văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của sở trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

b) Chủ trì xây dựng đề án thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các phòng, ban chuyên môn và tương đương của sở, đơn vị sự nghiệp công lập, chi cục thuộc sở gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

c) Chủ trì xây dựng dự thảo quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các tổ chức, đơn vị thuộc sở theo quy định của pháp luật gửi Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

d) Thẩm định và tổng hợp đề án thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các phòng, ban chuyên môn và tương đương của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc sở gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các phòng, ban chuyên môn và tương đương của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc sở sau khi có sự thống nhất bằng văn bản của Sở Nội vụ;

e) Quy định chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban chuyên môn thuộc sở; Quy định chức năng nhiệm vụ quyền hạn của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chi cục;

g) Phối hợp với Sở Nội vụ thẩm định việc thành lập các hội cấp tỉnh, cấp huyện thuộc ngành, lĩnh vực sở quản lý;

h) Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với các tổ chức thuộc lĩnh vực sở quản lý.

2. Quản lý biên chế, số lượng người làm việc và lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP

a) Xây dựng (sửa đổi, bổ sung) đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức của cơ quan, đơn vị trực thuộc; xây dựng kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP gửi Sở Nội vụ thẩm định theo quy định;

b) Đề nghị điều chuyển biên chế, số lượng người làm việc được giao giữa các cơ quan, đơn vị trực thuộc sở gửi Sở Nội vụ thẩm định theo quy định;

c) Quản lý, sử dụng biên chế, số lượng người làm việc, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Huỷ bỏ hoặc yêu cầu người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý huỷ bỏ các quyết định về quản lý, sử dụng biên chế, số lượng người làm việc trái với quy định của pháp luật;

đ) Theo dõi, kiểm tra, thanh tra việc quản lý, sử dụng biên chế, số lượng người làm việc của các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý;

e) Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo định kỳ về tình hình quản lý, sử dụng biên chế, số lượng người làm việc, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý gửi Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

3. Tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP

a) Đề nghị cấp có thẩm quyền về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu, tiền lương, phụ cấp lương và chính sách khác đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và thực hiện quy trình công tác cán bộ theo quy định;

b) Quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, cho thôi giữ chức, đình chỉ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu, tiền lương, phụ cấp lương, đào tạo, bồi dưỡng và chính sách khác theo quy định đối với các chức danh lãnh đạo thuộc quyền quản lý (Phụ lục III); riêng đối với Chi cục trưởng, trước khi quyết định bổ nhiệm phải có ý kiến chấp thuận của Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Chỉ đạo và thực hiện quy hoạch, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch hàng năm đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc quyền quản lý theo quy định của pháp luật, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền;

d) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chánh Thanh tra sở sau khi thống nhất với Chánh Thanh tra tỉnh;

đ) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy định cụ thể điều kiện, tiêu chuẩn đối với chức danh Trưởng, Phó các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc sở và đối với chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý;

e) Điều động, định kỳ chuyển đổi vị trí công tác, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu, cho thôi việc, nâng bậc lương, hưởng phụ cấp lương, giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với công chức, viên chức hưởng lương ngạch (chức danh nghề nghiệp) chuyên viên chính hoặc tương đương trở xuống thuộc cơ quan sở và công chức, viên chức ở cơ quan, đơn vị thuộc sở hưởng lương ngạch (chức danh nghề nghiệp) chuyên viên chính hoặc tương đương;

g) Thực hiện quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ về điều động, luân chuyển, biệt phái cán bộ, công chức, phân công nhiệm vụ, biệt phái viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các Hội đến làm việc tại sở theo kế hoạch luân chuyển, định kỳ chuyển đổi vị trí công tác và theo yêu cầu nhiệm vụ của tỉnh;

h) Quyết định điều động công chức giữa các phòng, ban, chi cục thuộc quyền quản lý; điều động; biệt phái công chức, viên chức trong phạm vi sở, cho chuyển công tác viên chức thuộc quyền quản lý trong nội bộ tỉnh; định kỳ chuyển đổi vị trí công tác viên chức giữa các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quyền quản lý; quyết định tiếp nhận viên chức thuộc các sở, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý, các Hội có sử dụng biên chế Nhà nước đến đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc; đề nghị Sở Nội vụ tiếp nhận viên chức từ ngoài tỉnh đến làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc và cho chuyển viên chức thuộc quyền quản lý ra ngoài tỉnh;

i) Xác định số lượng, cơ cấu công chức cần tuyển dụng gửi Sở Nội vụ thẩm định; phối hợp với Sở Nội vụ thực hiện kế hoạch tuyển dụng công chức;

k) Quyết định phân công công tác cho công chức, viên chức sau khi có quyết định tuyển dụng, tiếp nhận, điều động của Sở Nội vụ;

l) Tổng hợp, thẩm định, xác định số lượng, cơ cấu vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp công lập cần tuyển dụng viên chức gửi Sở Nội vụ phê duyệt; hướng dẫn, kiểm tra đơn vị sự nghiệp công lập, chi cục tổ chức tuyển dụng viên chức theo quy định;

m) Ký hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ở cơ quan sở theo quy định của pháp luật;

n) Tổng hợp cơ cấu ngạch công chức, hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, nhu cầu nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ);

o) Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức tương đương chuyên viên trở xuống sau khi có thông báo danh sách và xếp lương viên chức trúng tuyển thi (xét) thăng hạng chức danh nghề nghiệp của Sở Nội vụ; Quyết định xét chuyển hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tương đương chuyên viên trở xuống;

p) Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm, giai đoạn của cơ quan, đơn vị gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

q) Quyết định cử công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý đi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về kiến thức, kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm, chức danh đảm nhiệm theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh. Hàng năm, báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ);

r) Nhận xét, đánh giá công chức, viên chức thuộc quyền quản lý theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Sở Nội vụ; thống kê, báo cáo số lượng, chất lượng đội ngũ công chức, viên chức hàng năm thuộc quyền quản lý gửi Sở Nội vụ tổng hợp theo quy định;

s) Thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng công chức, viên chức và lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và Quy định này.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; hội, quỹ cấp tỉnh

1. Quản lý tổ chức bộ máy

a) Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh: Xây dựng đề án về thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các phòng, ban và tương đương của đơn vị gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; Quy định chức năng nhiệm vụ của các phòng, ban và tương đương thuộc đơn vị;

b) Hội, quỹ cấp tỉnh: Xây dựng đề án thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể hội, quỹ xây dựng điều lệ trình cơ quan có thẩm quyền quyết định; Quyết định thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

2. Quản lý số lượng người làm việc và lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh: Xây dựng (sửa đổi, bổ sung) đề án vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị gửi Sở Nội vụ thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định; Thực hiện quản lý, sử dụng số lượng người làm việc, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của đơn vị theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo định kỳ về tình hình quản lý, sử dụng số lượng người làm việc, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong đơn vị sự nghiệp công lập gửi Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

b) Đối với Hội, quỹ cấp tỉnh: Quản lý số lượng người làm việc, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo định kỳ về số lượng người làm việc, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP gửi Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

3. Tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP

a) Đề nghị cấp có thẩm quyền về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu, tiền lương, phụ cấp lương và chính sách khác đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và thực hiện quy trình công tác cán bộ theo quy định;

b) Thực hiện quy hoạch, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch hàng năm đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc quyền quản lý theo quy định của pháp luật, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền;

c) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, cho thôi giữ chức, đình chỉ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu, tiền lương, phụ cấp lương, đào tạo, bồi dưỡng và chính sách khác theo quy định đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc quyền quản lý;

d) Điều động, định kỳ chuyển đổi vị trí công tác, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu, cho thôi việc, nâng bậc lương, hưởng phụ cấp lương, giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với viên chức hưởng lương ngạch (chức danh nghề nghiệp) chuyên viên chính hoặc tương đương trở xuống thuộc quyền quản lý;

đ) Thực hiện quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, quyết định của Sở Nội vụ về điều động, luân chuyển, biệt phái cán bộ, công chức, biệt phái viên chức thuộc các sở, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các hội, quỹ đến làm việc tại đơn vị theo kế hoạch luân chuyển, định kỳ chuyển đổi vị trí công tác và theo yêu cầu nhiệm vụ của tỉnh;

e) Quyết định điều động viên chức giữa các phòng, ban và tương đương thuộc quyền quản lý; điều động, cho chuyển công tác viên chức thuộc quyền quản lý trong nội bộ tỉnh; định kỳ chuyển đổi vị trí công tác viên chức giữa các phòng, ban và tương đương thuộc quyền quản lý; quyết định tiếp nhận viên chức thuộc các sở, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý, các hội, quỹ có sử dụng biên chế Nhà nước đến đơn vị; đề nghị Sở Nội vụ tiếp nhận viên chức từ ngoài tỉnh đến làm việc tại đơn vị và cho chuyển viên chức thuộc quyền quản lý ra ngoài tỉnh; ký hợp đồng làm việc cho viên chức sau khi có quyết định tiếp nhận của Sở Nội vụ từ ngoài tỉnh đến làm việc tại đơn vị;

g) Tổng hợp, xác định số lượng, cơ cấu vị trí việc làm cần tuyển dụng viên chức gửi Sở Nội vụ phê duyệt; Thành lập hội đồng thi tuyển hoặc xét tuyển

để tổ chức tuyển dụng viên chức; phê duyệt kết quả tuyển dụng và danh sách viên chức trúng tuyển; ký hợp đồng làm việc với viên chức theo quy định;

h) Ký hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ở đơn vị theo quy định của pháp luật;

i) Tổng hợp cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, nhu cầu thăng hạng chức danh nghề nghiệp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ).

Riêng đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên được quyết định tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật;

k) Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức tương đương chuyên viên trở xuống sau khi có thông báo danh sách và xếp lương viên chức trúng tuyển thi (xét) thăng hạng chức danh nghề nghiệp của Sở Nội vụ; Quyết định xét chuyển hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tương đương chuyên viên trở xuống;

l) Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức hàng năm, giai đoạn của đơn vị gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

m) Quyết định cử viên chức thuộc thẩm quyền quản lý đi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về kiến thức, kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm, chức vụ, chức danh đảm nhiệm theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh. Hàng năm, báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ);

n) Nhận xét, đánh giá viên chức thuộc quyền quản lý theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Sở Nội vụ. Thống kê, báo cáo số lượng, chất lượng đội ngũ viên chức hàng năm thuộc quyền quản lý gửi Sở Nội vụ tổng hợp theo quy định.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Quản lý tổ chức bộ máy

a) Xây dựng Đề án, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định thành lập, sáp nhập, bãi bỏ, tổ chức lại, giải thể cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và tổ chức thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp;

b) Xây dựng Đề án, đề nghị thành lập, sáp nhập, tổ chức lại, giải thể các tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật (đối với trường hợp pháp luật không quy định Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập);

c) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của pháp luật;

d) Xây dựng Đề án thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh;

đ) Thẩm định đề án thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các phòng, ban chuyên môn và tương đương của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định (trừ các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở);

e) Quyết định thành lập, chia tách, sáp nhập, giải thể các phòng, ban chuyên môn và tương đương của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện sau khi có sự thống nhất bằng văn bản của Sở Nội vụ;

g) Quy định chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo hướng dẫn của sở có liên quan;

h) Xây dựng đề án thành lập, chia tách, sáp nhập, điều chỉnh địa giới hành chính của đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng đề án chia tách, sáp nhập thôn, tổ dân phố (khu dân cư); thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh đổi tên thôn, tổ dân phố (khu dân cư); Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc phân loại đơn vị hành chính cấp xã; Lập hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Quản lý biên chế, số lượng người làm việc và lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP

a) Xây dựng (sửa đổi, bổ sung) đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức của cơ quan, đơn vị trực thuộc; xây dựng kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP gửi Sở Nội vụ thẩm định theo quy định;

b) Quản lý, sử dụng biên chế, số lượng người làm việc, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, trong các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; cán bộ, công chức cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và cán bộ, công chức cấp xã

a) Đề nghị cấp có thẩm quyền về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu, tiền lương, phụ cấp lương và chính sách khác đối với cán bộ, công chức, viên chức khối Nhà nước diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và thực hiện quy trình công tác cán bộ theo quy định;

b) Chỉ đạo và thực hiện quy hoạch, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch hàng năm đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc quyền quản lý theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền;

c) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, cho thôi giữ chức, đình chỉ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu, tiền lương, phụ cấp lương, đào tạo, bồi dưỡng và chính sách khác theo quy định đối với cán bộ thuộc diện Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý, gồm: Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Cấp trưởng, cấp phó đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc;

d) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chánh Thanh tra sau khi thống nhất với Chánh Thanh tra tỉnh;

đ) Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, công chức cấp xã, những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã hàng năm, giai đoạn của cơ quan, đơn vị gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Quản lý tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể, xếp hạng trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Quyết định công nhận Ban vận động thành lập Hội có phạm vi hoạt động cấp huyện, cấp xã; quyết định cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên, phê duyệt điều lệ, tổ chức đại hội đối với Hội có phạm vi hoạt động cấp xã;

c) Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ cấp xã; cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên; đình chỉ, tạm đình chỉ hoạt động; cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ; công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động; công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; cho phép thay đổi hoặc cấp lại giấy phép thành lập; thu hồi giấy phép thành lập quỹ cấp xã.

2. Quản lý biên chế, số lượng người làm việc và lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP

a) Quản lý, hướng dẫn việc sử dụng biên chế, số lượng người làm việc, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, cán bộ, công chức cấp xã theo quy định;

b) Kiểm tra, thanh tra việc quản lý, sử dụng biên chế, số lượng người làm việc của các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý; huỷ bỏ hoặc yêu cầu người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý huỷ bỏ các quyết

định của đơn vị về quản lý, sử dụng biên chế, số lượng người làm việc trái với quy định của pháp luật;

c) Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo về quản lý, sử dụng biên chế, số lượng người làm việc, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, cán bộ, công chức cấp xã trong các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

3. Tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và cán bộ, công chức cấp xã

a) Phê chuẩn kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; điều động, đình chỉ công tác, cách chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; giao quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong trường hợp khuyết Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giữa hai kỳ họp Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Điều động, định kỳ chuyển đổi vị trí công tác, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu, cho thôi việc, nâng bậc lương, hưởng phụ cấp lương, giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với cán bộ, công chức, viên chức hưởng lương ngạch (chức danh nghề nghiệp) chuyên viên chính hoặc tương đương trở xuống thuộc cơ quan Ủy ban nhân dân cấp huyện và công chức, viên chức ở cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện hưởng lương ngạch (chức danh nghề nghiệp) chuyên viên chính hoặc tương đương;

c) Thực hiện quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ về điều động, luân chuyển, biệt phái cán bộ, công chức, phân công nhiệm vụ, biệt phái viên chức thuộc các sở, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các Hội, quỹ có sử dụng biên chế Nhà nước đến làm việc tại Ủy ban nhân dân cấp huyện theo kế hoạch luân chuyển, định kỳ chuyển đổi vị trí công tác và theo yêu cầu nhiệm vụ của tỉnh;

d) Quyết định điều động công chức giữa các phòng, ban thuộc quyền quản lý; điều động, cho chuyển công tác viên chức thuộc quyền quản lý trong nội bộ tỉnh; biệt phái cán bộ, công chức, viên chức trong phạm vi Ủy ban nhân dân cấp huyện; định kỳ chuyển đổi vị trí công tác viên chức giữa các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý; quyết định tiếp nhận viên chức thuộc các sở, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý, các Hội, quỹ có sử dụng biên chế Nhà nước đến đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc. Đề nghị Sở Nội vụ tiếp nhận viên chức từ ngoài tỉnh đến làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc và cho chuyển đổi viên chức thuộc quyền quản lý ra ngoài tỉnh;

đ) Quyết định phân công công tác cho công chức, viên chức sau khi có quyết định tuyển dụng, tiếp nhận của Sở Nội vụ;

e) Xây dựng kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã gửi Sở Nội vụ thẩm định; Thành lập hội đồng thi tuyển hoặc xét tuyển để tổ chức tuyển dụng công

chức cấp xã; Thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch để tiếp nhận công chức cấp xã không qua thi tuyển;

g) Tổng hợp, thẩm định, xác định số lượng, cơ cấu vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp công lập cần tuyển dụng viên chức gửi Sở Nội vụ phê duyệt. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Thành lập hội đồng thi tuyển hoặc xét tuyển để tổ chức tuyển dụng viên chức; phê duyệt kết quả tuyển dụng và danh sách viên chức trúng tuyển;

h) Tổng hợp cơ cấu ngạch công chức, hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, nhu cầu nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ);

i) Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức tương đương chuyên viên trở xuống sau khi có thông báo danh sách và xếp lương viên chức trúng tuyển thi (xét) thăng hạng chức danh nghề nghiệp của Sở Nội vụ; Quyết định xét chuyển hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tương đương chuyên viên trở xuống;

k) Ký hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ở cơ quan Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của pháp luật;

l) Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, công chức cấp xã, những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố thuộc thẩm quyền quản lý đi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về kiến thức, kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm, chức vụ, chức danh đảm nhiệm theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh. Hàng năm, báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ);

m) Tiếp nhận và phân công công tác đối với công chức cấp xã được tuyển dụng đối với trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức cấp xã và công chức cấp xã từ tỉnh khác đến sau khi có ý kiến bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; phân công công tác đối với công chức cấp xã được tuyển dụng;

n) Quyết định bố trí, sắp xếp, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý;

o) Quyết định xếp bậc lương lần đầu đối với cán bộ giữ chức danh bầu cử ở cấp xã, quyết định xếp lương công chức cấp xã theo trình độ đào tạo sau khi có ý kiến của Sở Nội vụ;

p) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã lập và quản lý hồ sơ cán bộ, công chức cấp xã;

q) Thống kê, báo cáo chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ công chức cấp xã, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, người hoạt động không chuyên trách theo quy định.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của chi cục

1. Quản lý tổ chức bộ máy

a) Xây dựng đề án về thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các phòng và tương đương, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc trình cấp có thẩm quyền quyết định;

b) Quy định chức năng nhiệm vụ của các phòng và tương đương thuộc chi cục.

2. Quản lý biên chế, số lượng người làm việc và lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP

a) Xây dựng (sửa đổi, bổ sung) đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức của cơ quan, đơn vị trực thuộc, gửi sở thẩm định theo quy định;

b) Thực hiện quản lý, sử dụng biên chế, số lượng người làm việc, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Theo dõi, kiểm tra việc quản lý, sử dụng biên chế, số lượng người làm việc của đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý;

d) Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo định kỳ về tình hình quản lý, sử dụng biên chế, số lượng người làm việc, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý gửi sở tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

3. Tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP

a) Đề nghị sở bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu, tiền lương, phụ cấp lương và chính sách khác đối với công chức, viên chức của chi cục diện cấp trên quản lý;

b) Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu, tiền lương, phụ cấp lương và chính sách khác thuộc chi cục quản lý, gồm: Phó Trưởng phòng thuộc chi cục; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc chi cục;

c) Điều động, định kỳ chuyển đổi vị trí công tác, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu, cho thôi việc, nâng bậc lương, hưởng phụ cấp lương đối với công chức, viên chức hưởng lương ngạch (chức danh nghề nghiệp) chuyên viên hoặc tương đương trở xuống thuộc quyền quản lý;

d) Quyết định chấm dứt hợp đồng làm việc đối với viên chức chuyên công tác, viên chức xin thôi việc;

đ) Xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức báo cáo sở để tổng hợp và đề nghị Sở Nội vụ thẩm định, phê duyệt; Thành lập hội đồng thi tuyển hoặc xét

tuyển để tổ chức tuyển dụng viên chức; phê duyệt kết quả tuyển dụng và danh sách viên chức trúng tuyển; Quyết định bổ nhiệm vào ngạch viên chức đạt yêu cầu trong thời gian thử việc;

e) Ký hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại chi cục;

g) Đánh giá, phân loại công chức, viên chức hàng năm và quản lý hồ sơ công chức, viên chức theo quy định.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Quản lý tổ chức bộ máy

a) Xây dựng đề án thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các khoa, phòng và tương đương thuộc đơn vị trình sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện trình cấp có thẩm quyền quyết định;

b) Quy định chức năng, nhiệm vụ của các khoa, phòng và tương đương thuộc đơn vị.

2. Quản lý số lượng người làm việc và lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP.

Đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng (sửa đổi, bổ sung) đề án vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị gửi sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện, thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định; Thực hiện quản lý, sử dụng số lượng người làm việc, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của đơn vị theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo định kỳ về tình hình quản lý, sử dụng số lượng người làm việc, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong đơn vị sự nghiệp công lập gửi sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

3. Tuyển dụng viên chức

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở: Xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức báo cáo sở để tổng hợp và đề nghị Sở Nội vụ thẩm định, phê duyệt; Thành lập hội đồng thi tuyển hoặc xét tuyển để tổ chức tuyển dụng viên chức; phê duyệt kết quả tuyển dụng và danh sách viên chức trúng tuyển; Ký hợp đồng làm việc với viên chức được tuyển dụng; Quyết định bổ nhiệm vào ngạch viên chức đạt yêu cầu trong thời gian tập sự; Quyết định chấm dứt hợp đồng làm việc đối với viên chức không đạt yêu cầu trong thời gian tập sự;

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp và đề nghị Sở Nội vụ thẩm định, phê duyệt; Tham gia hội đồng thi

tuyển hoặc xét tuyển viên chức của Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổ chức tuyển dụng viên chức; Ký hợp đồng làm việc với viên chức được tuyển dụng sau khi có quyết định tuyển dụng của Ủy ban nhân dân cấp huyện; Quyết định bổ nhiệm vào ngạch viên chức đạt yêu cầu trong thời gian tập sự; Quyết định chấm dứt hợp đồng làm việc đối với viên chức không đạt yêu cầu trong thời gian tập sự;

- Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp và đề nghị Sở Nội vụ thẩm định, phê duyệt; Thành lập hội đồng thi tuyển hoặc xét tuyển để tổ chức tuyển dụng viên chức; phê duyệt kết quả tuyển dụng và danh sách viên chức trúng tuyển; Ký hợp đồng làm việc với viên chức được tuyển dụng; Quyết định bổ nhiệm vào ngạch viên chức đạt yêu cầu trong thời gian tập sự; Quyết định chấm dứt hợp đồng làm việc đối với viên chức không đạt yêu cầu trong thời gian tập sự.

4. Sử dụng, quản lý công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP

a) Đề nghị sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu, tiền lương, phụ cấp lương và chính sách khác đối với công chức, viên chức diện cấp trên quản lý;

b) Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu, tiền lương, phụ cấp lương và chính sách khác đối với viên chức diện đơn vị quản lý, gồm: Trưởng phòng, trưởng khoa và tương đương; Phó Trưởng phòng, Phó Trưởng khoa và tương đương;

c) Điều động, định kỳ chuyển đổi vị trí công tác, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu, cho thôi việc, nâng bậc lương, hưởng phụ cấp lương đối với viên chức hưởng lương ngạch (chức danh nghề nghiệp) chuyên viên hoặc tương đương trở xuống thuộc quyền quản lý;

d) Quyết định chấm dứt hợp đồng làm việc đối với viên chức chuyển công tác, viên chức xin thôi việc;

đ) Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật và văn bản hướng dẫn của cấp trên về công chức, viên chức;

e) Tổng hợp nhu cầu thi (xét) thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức báo cáo sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định.

Riêng đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên được quyết định tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật;

g) Phân công, bố trí, giao việc cho cán bộ, công chức, viên chức khi được cấp trên điều động, luân chuyển, biệt phái về đơn vị công tác;

h) Đánh giá, phân loại viên chức hàng năm và quản lý hồ sơ viên chức theo quy định;

i) Thực hiện chế độ báo cáo về đội ngũ viên chức thuộc quyền quản lý theo quy định;

k) Ký hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ở đơn vị theo quy định của pháp luật;

n) Quyết định việc thuê, khoán để làm những công việc không cần bố trí biên chế thường xuyên theo quy định pháp luật về lao động; ký hợp đồng cộng tác viên, thuê hoặc mời chuyên gia hỗ trợ cho công việc chuyên môn của đơn vị.

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc chi cục; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Hội cấp tỉnh

1. Xây dựng (sửa đổi, bổ sung) đề án vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị gửi chi cục, Hội cấp tỉnh thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

2. Quản lý, sử dụng và thực hiện các chế độ chính sách tiền lương và chính sách khác đối với viên chức thuộc quyền quản lý.

3. Đánh giá, phân loại viên chức hàng năm theo quy định.

4. Ký hợp đồng làm việc với viên chức được tuyển dụng sau khi có quyết định phê duyệt danh sách trúng tuyển.

5. Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo định kỳ về tình hình quản lý, sử dụng số lượng người làm việc, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP gửi chi cục, Hội cấp tỉnh tổng hợp, báo cáo theo quy định.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Lập hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp xã; xây dựng Đề án đề nghị thành lập, chia tách, sáp nhập, đổi tên thôn, tổ dân phố (khu dân cư) trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Trực tiếp quản lý, sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn (khu dân cư).

3. Trình Hội đồng nhân dân cấp xã bầu chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân cấp xã.

4. Đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện xét chuyển ngạch, nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và thực hiện các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã.

5. Phê chuẩn kết quả bầu cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm trưởng thôn, tổ dân phố (khu dân cư).

6. Bố trí, sử dụng và thực hiện các quy định đối với cán bộ, công chức, viên chức được điều động, luân chuyển về Ủy ban nhân dân cấp xã công tác.

7. Quyết định hoặc đề nghị các cơ quan có thẩm quyền khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức cấp xã theo quy định.

8. Báo cáo số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố (khu dân cư).

9. Thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, tạo nguồn cán bộ, công chức cấp xã.

10. Lập và quản lý hồ sơ cán bộ, công chức cấp xã.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Giám đốc sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy định này.

2. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Quy định này. *ĐPV*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Dương Thái

PHỤ LỤC I

Các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý
(Ban hành kèm theo Quyết định số **44** /2020/QĐ-UBND
ngày **10** tháng 9 năm 2020 của UBND tỉnh)

1. Giám đốc, Phó Giám đốc sở; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Giám đốc, Phó Giám đốc bệnh viện đa khoa, chuyên khoa cấp tỉnh; cấp trưởng, cấp phó các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.
2. Chủ tịch, Phó Chủ tịch: Hội Văn học nghệ thuật tỉnh, Hội Nhà báo tỉnh, Hội Chữ thập đỏ tỉnh, Hội Đông y tỉnh, Liên minh các hợp tác xã tỉnh, Liên hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật tỉnh, Hội Luật gia tỉnh.
3. Người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp mà Ủy ban nhân dân tỉnh nắm giữ 100% vốn điều lệ và trên 50% vốn điều lệ (theo Quy định số 08-QĐ/TW ngày 08/8/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy).

PHỤ LỤC II
Các chức danh thuộc diện Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý
(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~44~~ /2020/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 9 năm 2020 của UBND tỉnh)

1. Chủ tịch chuyên trách, Phó Chủ tịch chuyên trách, Tổng thư ký, Ủy viên Thường trực của các Hội được sử dụng biên chế Nhà nước và Hội có tính chất đặc thù cấp tỉnh (*không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và chức danh cán bộ Ban Thường vụ Tỉnh ủy ủy quyền cho Thường trực Tỉnh ủy trực tiếp quyết định theo Quy định số 08-QĐ/TW ngày 08/8/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy*).

2. Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty; thành viên Hội đồng thành viên tổng công ty hoặc công ty; Tổng giám đốc (Giám đốc) công ty; Kiểm soát viên tổng công ty hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Ủy ban nhân dân tỉnh nắm giữ 100% vốn điều lệ (*không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và chức danh cán bộ Ban Thường vụ Tỉnh ủy ủy quyền cho Thường trực Tỉnh ủy trực tiếp quyết định theo Quy định số 08-QĐ/TW ngày 08/8/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy*).

3. Người đại diện giữ các chức danh: Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị tổng công ty; Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch công ty; Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc tổng công ty; Giám đốc, Phó Giám đốc công ty cổ phần mà Ủy ban nhân dân tỉnh nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (*không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và chức danh cán bộ Ban Thường vụ Tỉnh ủy ủy quyền cho Thường trực Tỉnh ủy trực tiếp quyết định theo Quy định số 08-QĐ/TW ngày 08/8/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy*).

**PHỤ LỤC III****Các chức danh diện sở quản lý**

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~44~~ /2020/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 9 năm 2020 của UBND tỉnh)

1. Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng và tương đương.
2. Cấp trưởng, cấp phó đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (trừ cấp trưởng, cấp phó đơn vị sự nghiệp công lập thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý theo Quyết định số 08-QĐ/TW ngày 08/8/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy).
3. Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc sở.
4. Trưởng phòng và tương đương thuộc chi cục; Cấp trưởng, cấp phó đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc chi cục./.